

Medium

MAMBA 06 HIGH

MAMBAHIGH

giày cao Mẫ ổ nh ệ , th ể **thao và** ch ố n g thấm nư ớc **có khóa kéo bên trong.**

Giày MAMBA 06 HIGH mang đế n khả năng bảo v ệ bàn chân **lót** ngoài đồng thời thấm nư ớc và thấ ứ t k n g nhận ESD. Giày nh ẹ , thoáng khí và hoàn hảo cho các ngành công n ghiệ p chiế n t và đồ th u g phục .

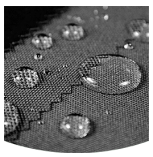
Những vật liệu cao cấp hợp thép ay TPU/	
lót bên trong	màng
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	06 / SR, SC, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng thép	0.510 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



BRN



BLK



lót chống thấm nước
Giữ cho đôi chân khô ráo trong môi



nhiệt
được nhiệt độ cao lên đến 300°C.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mịn ờn **mội**m ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t **giày, chúng tôi khuyên** bạn **nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm **cách** hàm **Không** trên lờ

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l i	**thép, TPU,**					
cao cấp h ơn						
	Top: khả năng	? 0.8		3.9	ờ	mg/cm/g
	Top: h	? 15		32.3		mg/cm2
ót bên trong	**màng**					
	L ớp **lót:**	? 2		4.90	ờ	mg/cm/g
	lót: h	? 20		41		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t	**mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
ệ m chân	Đ ộ b ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài Đ	**Phlon/cao su**					
	Ch ố n g trơ t ế ngoài (	? 150		59		mm
	Chư ớ t trơ t bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.46		ma sát
rư	Cột cơ sở bằng - G ố m + NaLS - Trư ớ t **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.47		ma sát
rư	Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t **gót** v ề **phía** t	? 0.19		0.28		ma sát
	Chư ớ t trơ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t **gót** v ề **phía** t	? 0.22		0.25		ma sát
ị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		25.0		megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100		38		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót chân** củ	? 20		37		J

kích thước thép: 42

a chú Đ khô ó ế h ê và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ s o chép dưới dạng nào mà không é bằng văn ủ

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		4.75		kg
	Bao bì		0.14		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.04 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		10%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ ợ à tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng